

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Quang;

2. Bà Nguyễn Thị Tính.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Đặng Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: số nhà C, đường Q, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện nhận văn bản tố tụng và giao nộp tài liệu chứng cứ theo ủy quyền của chị Vũ Thị H: Công ty L và Công sự; địa chỉ: số B, ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2024).

Người đại diện hợp pháp của Công ty L và Công sự: chị Lê Thị Ánh D, nhân viên của Công ty L và Công sự. Là người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L và Công sự. Địa chỉ: số B, ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền lại ngày 29/11/2024).

2. Bị đơn: anh Trần Xuân V, sinh năm 1987. Nơi cư trú cuối cùng: số nhà C, đường Q, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay anh Trần Xuân V đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Xuân V có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh V được khoảng 6 tháng thì bố mẹ anh V xây nhà mới, ông bà chuyển qua đó ở. Do tính chất công việc nên anh V thường xuyên vắng nhà, anh V vẫn chăm lo cho gia đình. Đến năm 2020 anh V đi xuất khẩu lao động Đài Loan. Từ đó đến nay chưa về. Thời gian đầu anh chị vẫn thường xuyên liên lạc nên cho dù xa cách nhau về mặt địa lý thì tình cảm vợ chồng vẫn duy trì tốt. Sau đó khoảng 5, 6 tháng anh chị ít liên lạc, dần dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách lâu ngày, không còn tin tưởng vào nhau dẫn đến bất đồng quan điểm. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Trần Xuân V.

Về con chung: anh chị có 02 con chung, cháu lớn tên là Trần Thị Minh N, sinh ngày 13/11/2015, cháu bé tên là Trần Minh T, sinh ngày 24/4/2018. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Xuân V:

Tại Công văn số 718/XNC(Đ1) ngày 04/11/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh N cung cấp như sau: anh Trần Xuân V đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1, thành phố Hà Nội vào ngày 15/4/2021. Hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh V và niêm yết công khai: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời Tòa án đã thông báo trên kênh VOV5 Đ, trên B, trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh V không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thị Minh N đề ngày 03/01/2025, Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Minh T đề ngày 25/4/2025 thể hiện: cháu N, cháu T đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại Biên bản làm việc ngày 31/12/2024 ông Trần Văn C là bố đẻ của anh Trần Xuân V cung cấp như sau: bà Trần Thị Q (vợ ông C) đã chết. Hiện nay, ông

không thể cung cấp được địa chỉ chính xác của anh Trần Xuân V đang ở nước ngoài. Anh V đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam vào ngày 15/4/2021 sang Đài Loan để lao động. Khoảng mấy tháng trở lại đây anh V không liên lạc với ông và gia đình. Anh V và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 24/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh V sinh sống tại gia đình bên vợ anh V. Gia đình ông không thấy có mâu thuẫn gì giữa anh V và chị H. Anh V và chị H có 02 cháu là cháu Trần Thị Minh N và cháu Trần Minh T. Hiện nay các cháu được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, không có biểu hiện bạo lực. Về việc chị H xin ly hôn anh V và đề nghị nuôi dưỡng 02 cháu thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 31/12/2024, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T cung cấp như sau: hiện nay anh Trần Xuân V không có mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về. Chị H và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 24/6/2015. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V thì địa phương không nắm được. Anh V và chị H có 02 cháu là Trần Thị Minh N và cháu Trần Minh T, hiện nay 02 cháu được chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, không có biểu hiện bạo lực trẻ em.

Tại Biên bản xác minh ngày 31/12/2024, Công an phường T, thành phố T cung cấp như sau: hiện nay anh Trần Xuân V không có mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về.

Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2024, chị Vũ Thị H ủy quyền cho Công ty L và Cộng sự được thay mặt chị H đến Tòa án giao nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các giấy tờ văn bản tố tụng của Tòa án. Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2024, Công ty L và Cộng sự ủy quyền cho chị Lê Thị Ánh D thay mặt Công ty thực hiện các công việc mà Công ty đã nhận ủy quyền từ chị H theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 37, 147, 227, 228, 238, 464, 469, 470, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 121, 122, 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Cho chị H ly hôn anh V. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Trần Thị Minh N, sinh năm 2015 và cháu Trần Minh T, sinh năm 2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Trần Xuân V không có mặt tại Việt Nam; anh V đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. Trước khi xuất cảnh, nơi cư trú cuối cùng của anh V là: số nhà C, đường Q, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Nguyên đơn là chị H có nơi cư trú tại tỉnh Ninh Bình. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Chị H có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh V mà không cung cấp được địa chỉ của anh V ở nước ngoài. Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh V và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/4/2025. Tại phiên tòa ngày 09/5/2025, anh V tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Ông Trần Văn C là bố đẻ của anh V xác nhận khoảng mấy tháng trở lại đây anh V không liên lạc với ông và gia đình; ông C không cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của anh V ở nước ngoài cho Tòa án được. Mặc dù Tòa án đã đề nghị ông C thông báo cho anh V biết về yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh V không có ý kiến gì; thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh V được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh V chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị H và anh V sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh V có 02 con chung, cháu lớn tên là Trần Thị Minh N, sinh ngày 13/11/2015, cháu bé tên là Trần Minh T, sinh ngày 24/4/2018. Chị H đề nghị Tòa án cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và cháu T.

Xét thấy: anh V đã xuất cảnh ra nước ngoài, không biết anh V đang làm gì, sinh sống tại địa chỉ cụ thể nào ở nước ngoài. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh V không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của

chị H. Chị H có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của các con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu N, cháu T xin được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu N, cháu T và đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của 2 cháu; Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu N, cháu T của chị H là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh V.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về lệ phí đăng tin: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.250.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị H và anh Trần Xuân V được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Xuân V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thị Minh N, sinh ngày 13/11/2015 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 24/4/2018 cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Thị Minh N, cháu Trần Minh T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Xuân V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000076 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Xuân V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng TT, KT-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Bình, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Ông Trần Văn Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Nguyễn Thị Phụng